

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **168/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 31/8/2023
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con và
nghĩa vụ chung về tài sản của vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nhượng;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985. *Có mặt.*

Địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: chị Cao Thị Minh P, sinh năm 1988. *Có mặt.*

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng C.

Địa chỉ: số 169 phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C: ông Võ Trung D, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: số 190 H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Võ Thị B.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Trần Thị Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ dân phố Mỹ, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944.

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Bà T, bà Lạc có mặt. Ông D, bà B, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Diệu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Cao Thị Minh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; chị P có những hành vi không chuẩn mực với anh và gia đình anh. Nay anh nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị P.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Cao Ngọc A, sinh ngày 08/5/2018 và Nguyễn Cao Chí K, sinh ngày 05/01/2021. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung:

+ Nợ của bà Võ Thị B là 5.000.000 đồng, vợ chồng anh đã trả xong vào ngày 10/02/2023 (âm lịch).

+ Nợ của bà Trần Thị Th là 5.000.000 đồng, vợ chồng anh đã trả xong vào ngày 10/02/2023 (âm lịch).

+ Nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q do anh đứng tên vay số tiền 50.000.000 đồng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q do bà Nguyễn Thị T (mẹ anh) đứng tên vay giùm số tiền 50.000.000 đồng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q do chị P đứng tên vay số tiền 50.000.000 đồng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - chị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất với nội dung trình bày của anh D về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay anh D yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Hiện nay, chị không có thai.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Cao Ngọc A, sinh ngày 08/5/2018 và Nguyễn Cao Chí K, sinh ngày 05/01/2021. Chị có yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: chị thống nhất với nội dung trình bày của anh D.

Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà T trình bày: về khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, bà sẽ trả theo hợp đồng, không yêu cầu giải quyết.

- Bà L trình bày: bà chung hộ khẩu với chị P và có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền vay đưa cho chị P và anh D mua xe. Nay bà không yêu cầu giải quyết về khoản nợ trên.

Tại đơn trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C - ông D trình bày:

Ngân hàng C thống nhất để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng vay và không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản vay trên.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Th trình bày: chị P, anh D đã trả nợ xong, bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà B trình bày: chị P, anh D đã trả nợ xong, bà không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P cung cấp: 01 giấy nhận tiền ghi ngày 13/7/2023 có nội dung “bà Th có nhận của chị P số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 10/02/2023 (âm lịch)”; 01 Giấy nhận tiền có xác nhận của UBND xã Quế

An ghi ngày 24/7/2023 có nội dung “vào ngày 10/02/2023 (âm lịch) bà B có nhận của chị P 5 triệu đồng, xác nhận giữa bà và chị P không có nợ nần gì nữa”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị P, giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Nguyễn Văn D cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “*ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông D, bà Th, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người này đã có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị P tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 30 tháng 5 năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D, chị P thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa anh D và chị P.

[3]. Về con chung: anh D và chị P đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung.

Theo biên bản xác minh ngày 06/7/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn Đ cung cấp thông tin: anh D và chị P đều đảm bảo điều kiện nuôi con vì cả hai có chỗ ở ổn định; chị P làm nghề buôn bán, anh D làm nghề lái xe taxi nên cả hai đều có thu nhập để nuôi con. Như vậy, các đương sự đều có công việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi dưỡng con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P cung cấp 01 giấy xác nhận của tổ dân phố T, thị trấn Đ với nội dung: hiện chị P đang làm công việc bán đồ ăn sáng gần nhà và buổi chiều đi mua ve chai, thu nhập là 300.000 đồng/ngày, thu nhập hằng tháng là 8.000.000 đồng và hiện tại chị đang là người trực tiếp nuôi hai cháu A và K, sinh sống tại nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận: hiện tại anh D đang sống với mẹ là bà T (*chỉ có 02 mẹ con*), bà T bị bệnh ung thư và tiểu đường, anh D làm nghề lái xe, thời giờ làm việc từ 07 giờ sáng đến hơn 17 giờ chiều, có khi trễ hơn đến 20 giờ tối. Chị P sống cùng bà L và một người chị.

Hiện nay, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu A khoảng hơn 05 tuổi. Các cháu hiện đang sống với chị P và bà L, được nuôi dưỡng ổn định, chăm sóc khỏe mạnh, phát triển bình thường. Như vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật (*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*) và tình hình thực tế thì chị P có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con hơn anh D.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, sự ổn định tâm sinh lý và sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao các cháu K, A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Về cấp dưỡng nuôi con: chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: không có.

[5]. Về nợ chung: anh D, chị P đã trả xong các khoản nợ của bà B, bà Th. Đối với các khoản nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Cao Thị Minh P.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Cao Ngọc A, sinh ngày 08/5/2018 và Nguyễn Cao Chí K, sinh ngày 05/01/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, anh D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 4.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004992 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả cho anh D số tiền tạm ứng án phí còn lại là 4.000.000 (*bốn triệu*) đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2023), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam;
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND thị trấn Đ
- (giấy CNKH số 29 ngày 30/5/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ